TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **787**/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 20- 08- 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung

Bà Quách Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/08/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13/7/2020 về việc "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 544/2020/HNGĐ-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3755/2020/QĐ-PT ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Tấn T, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ : Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyển 1 ngày 01/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, ông T tự dọn ra ngoài thuê nhà sống riêng. Hai bên ly thân từ tháng 3/2019 đến nay.

Về con chung: Có hai con chung tên Đặng Thị Ngọc L, sinh ngày 02/5/2006 và Đặng Thiên Ngọc A, sinh ngày 15/6/2008. Bà xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, Tòa án tống đạt theo đúng quy định của pháp luật triệu tập ông T đến Tòa để làm việc, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt nên không ghi được ý kiến của ông.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 544/2020/HNGĐ-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đặng Tấn T, (Giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyển số 1 ngày 01/7/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp cho ông Đặng Tấn T và bà Nguyễn Thị H không còn hiệu lực).

Về con chung: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Ngọc L, sinh ngày 02/5/2006 và Đặng Thiên Ngọc A, sinh ngày 15/6/2008 cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không có yêu cầu. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn, về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 15/06/2020, ông Đặng Tấn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

-Người kháng cáo là ông Đặng Tấn T đồng thời là bị đơn trong vụ án trình bày: ông không nhận được giấy triệu tập của tòa sơ thẩm nên không có điều kiện trình bày ý kiến. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H, ông có ý kiến như sau: ông làm việc trong ngành điện lực, do điều kiện đặc thù của công việc nên thường phải đi làm xa nhà nhưng ông vẫn luôn yêu thương, quan tâm và sống có trách nhiệm với vợ con; tuy nhiên bà H không hiểu, không thông cảm với ông và biểu hiện có quan hệ không rõ ràng với người ngoài, không cho ông ở chung nhà

nên ông phải ra ngoài thuê nhà khác ở gần đó để tiện về thăm gia đình và các con. Trong thâm tâm, ông vẫn còn tình cảm với bà H và mong muốn bà hồi tâm chuyển ý trở về cùng ông chăm lo cho các con.

Nay bà H cương quyết xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn để bà được toại nguyện. Ông thống nhất với lời khai của bà H về con chung và đồng ý giao 2 con chung cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/con/tháng bắt đầu từ tháng 9/2020 cho đến khi 2 con lần lượt tròn 18 tuổi.Về tài sản chung có 01 căn nhà số X đường số Y, Phường N, quận G, ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này.Về nợ chung: không có. Án phí các bên phải chịu theo quy định pháp luật.

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: bà thống nhất về việc giải quyết toàn bộ vụ án như ông T đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của ông T còn trong hạn luật định nên hợp lệ; về nội dung kháng cáo: ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng nay hai bên đã thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận này không trái luật, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo hướng ông T trình bày trên đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông Đặng Tấn T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đặng Tấn T và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 01/07/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông T và bà H đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã nêu trên, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn bà H phải chịu; án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con ông T phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là ông T vẫn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Điều 300, Điều 306, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Tấn T về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Tấn T. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 544/2020/HNGĐ-ST ngày 04/06/2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Ông Đặng Tấn T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Đặng Thị Ngọc L, sinh ngày 02/5/2006 và Đặng Thiên Ngọc A, sinh ngày 15/6/2008 cho đến khi hai con trưởng thành.

Ông Đặng Tấn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/con/ tháng, tổng cộng 2 con là 6.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 09 năm 2020 cho đến khi 2 con lần lượt tròn 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ

không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết trọng vụ án này.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001678 ngày 25/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Đặng Tấn T phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng ông Đặng Tấn T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số tiền số AA/2019/0026353 ngày 15/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.Ông Đặng Tấn T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận G;
- TAND quận G;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương